

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH BẰNG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NGÔN NGỮ ANH

Phạm Thị Thúy¹

Email: ptthuy.nn@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.639

Tóm tắt: Kỹ năng thuyết trình đóng một vai trò không thể thiếu trong quá trình giáo dục và phát triển sự nghiệp tương lai của sinh viên vì kỹ năng này hỗ trợ các em nâng cao khả năng nói trước công chúng. Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI). Nghiên cứu định lượng được thực hiện trên 200 sinh viên năm hai UNETI. Kết quả cho thấy hầu hết sinh viên chưa tự tin về kỹ năng thuyết trình của mình do mắc các lỗi về sử dụng từ vựng, ngữ pháp, độ trôi chảy khi thuyết trình. Giảng viên khoa Ngoại Ngữ UNETI nên nghiên cứu để cải thiện phương pháp giảng dạy về kỹ năng thuyết trình và tìm ra chiến lược phù hợp để giải quyết các khó khăn của sinh viên tại UNETI.

Từ khóa: kỹ năng thuyết trình, sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, thách thức, chiến lược

I. Đặt vấn đề

Thuyết trình ngày nay đã trở thành một kỹ năng mềm không thể thiếu đối những người tìm việc làm, những người làm công việc kinh doanh, tiếp thị hay quảng cáo và các cử nhân chuyên ngành Sư phạm, Chang & Huang (2015). Kỹ năng thuyết trình tốt chính là một lợi thế và là một yếu tố quan trọng dẫn đến thành công trong bất kỳ công việc nào. Đối với sinh viên (SV) chuyên ngành tiếng Anh, thuyết trình đã trở nên khá quen thuộc và cần thiết vì SV đã được giới thiệu, làm

quen và thực hành ở môn học chuyên ngành bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, với các hình thức khác nhau như thuyết trình đơn, theo cặp hoặc nhóm (3 hoặc 4 người). Dù dưới hình thức nào, SV đều gặp phải những khó khăn nhất định và từ đó bộc lộ những điểm yếu trong khi thuyết trình. Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, nhà nghiên cứu (NNC) đã tìm hiểu về những khó khăn, những điểm mạnh và hạn chế mà SV chuyên ngành tiếng Anh hay gặp phải và từ đó đưa ra một số giải pháp giúp SV cải thiện và phát triển kỹ năng này.

¹ Trường Đại học Kinh tế- Kỹ Thuật Công nghiệp

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Định nghĩa về thuyết trình

Rosenzweig (2021) mô tả bài thuyết trình là công cụ truyền tải chủ đề đến khán giả thông qua trình chiếu, trình diễn, bài giảng hoặc bài phát biểu trong đó người thuyết trình sử dụng từ ngữ và hình ảnh. Trong thời đại công nghệ, người thuyết trình sử dụng PowerPoint để truyền đạt thông tin hoặc phương tiện truyền thông qua slide với phong cách trình bày linh hoạt (Donohoe, 2020).

2.2. Các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ ảnh hưởng đến kỹ thuyết trình

Kỹ năng thuyết trình là thách thức lớn nhất do SV lo lắng về ngôn ngữ (Horwitz và cộng sự, 1986), ngại sử dụng tiếng Anh để thể hiện bản thân. SV lo lắng nên không thể nâng cao khả năng thuyết trình của mình trước đám đông. Các yếu tố khác ảnh hưởng SV là phát âm, sợ mắc lỗi, đánh giá kém hấp dẫn, thiếu kiến thức về từ vựng và ngữ pháp, thiếu sự chuẩn bị và thậm chí cả thái độ của giảng viên (GV), Dornyei & Clement, (2001). Về cách sử dụng từ vựng, việc sắp xếp đóng vai trò quan trọng trong thuyết trình vì người thuyết trình thành công phải biết cách sử dụng việc sắp xếp một cách chính xác. Theo Bùi (2021), SV Việt Nam thường dịch các cụm từ tiếng Việt sang các cụm từ tiếng Anh, mặc dù các cụm từ chưa tự nhiên so với tiếng Anh.

2.3. Các nghiên cứu trước đây

Theo Nguyễn (2019), kỹ năng thuyết trình- phương pháp luyện nói của nhiều SV chưa tốt, chứng minh rằng họ gặp khó khăn trong việc cung cấp nội dung thuyết trình cho khán giả.

Chang, Y và cộng sự. (2015) cho rằng thuyết trình cần thiết đối với SV trong học tập và tương lai. NNC đã sử dụng phương pháp định lượng phát hiện ra rằng các SV tham gia có kỹ năng thuyết trình chưa tốt vì những nỗi lo sợ khiến họ chưa thoải mái khi thuyết trình.

Chuyên và cộng sự (2020) mô tả TED Talks như một kỹ thuật học tập mới trong lớp học. Họ nhấn mạnh một số khía cạnh trong kỹ năng thuyết trình của SV, như tính tự tin, diễn đạt trôi chảy, lưu loát. Việc liệt kê các chiến lược có lợi của TED Talks, các khuyến nghị dành cho cá nhân (người dùng TED Talks, Bộ môn, đội ngũ GV) đều khá khách quan. Từ các NC trên, NNC thấy điểm chung và những khó khăn về kỹ năng thuyết trình của SV. Từ đó phát triển hai câu hỏi NC:

1: Thái độ của SV năm hai chuyên ngành Tiếng Anh đối với kỹ năng thuyết trình là gì?

2: SV năm hai chuyên ngành Tiếng Anh gặp khó khăn gì khi thuyết trình bằng tiếng Anh?

III. Phương pháp

3.1. Đối tượng NC

UNETI có hơn 20 khoa chuyên ngành. Khoa Ngoại Ngữ có giáo trình kỹ năng nói, trong đó trang bị cho SV kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích người nghe và tư duy phê phán nhằm cung cấp cho người nghe những thông tin phù hợp với nhu cầu hiện tại cũng như thuyết phục người nghe thay đổi định hướng, suy nghĩ và hành vi theo hướng tích cực và có lợi.

NC khảo sát trên 200 SV năm hai chuyên ngành tiếng Anh học kỳ I năm học 2022-2023 tại UNETI, độ tuổi từ 19 đến

21. Các SV tham gia khóa học lý thuyết và thực hành về khả năng thuyết trình được yêu cầu phải thuyết trình trong các bài kiểm cuối kỳ để đánh giá khả năng áp dụng những gì đã học trên lớp vào bài của mình. Một bảng câu hỏi về một số khía cạnh của kỹ năng thuyết trình đã được cung cấp cho SV để có cái nhìn tổng quan về kỹ năng này.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Sử dụng phương pháp định lượng để thu thập dữ liệu, 28 câu hỏi với thang đo Likert 5 điểm từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý” (1 = hoàn toàn không đồng ý; 2 = không đồng ý; 3 = trung lập; 4 = đồng ý; 5 = hoàn toàn đồng ý) và 4 câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến việc

tự đánh giá thuyết trình của SV. Danh sách câu hỏi trực tuyến đăng trên các nhóm của Khoa Ngoại ngữ mất 5 phút để điền và 3 tuần để thu thập hết. Về những ưu điểm của NC định lượng, Wright (2005) cho rằng việc sử dụng khảo sát bằng bảng câu hỏi giúp tiết kiệm công sức và thời gian do cung cấp thu thập dữ liệu tự động.

VI. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

Câu hỏi NC 1: *Thái độ của SV năm hai chuyên ngành Tiếng Anh đối với kỹ năng thuyết trình là gì?*

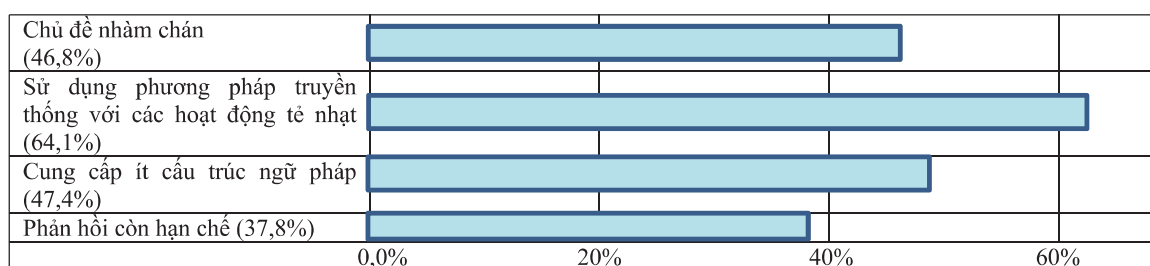
Dữ liệu được thu thập trong bảng 1 và hình 1 sẽ được phân tích theo tỷ lệ phần trăm để trả lời câu hỏi NC 1.

Bảng 1. Thái độ của SV chuyên Anh đối với các khóa học kỹ năng thuyết trình.

TT	Nhận định	1	2	3	4	5
1	Khả năng thuyết trình cần thiết đối SV EFL.	3.2%	1.3%	5.1%	34%	56.4%
2	Thuyết trình cải thiện kỹ năng giao tiếp	2.6%	3.8%	4.5%	41.7%	47.4%
3	Kỹ năng thuyết trình kết nối với thành công.	3.8%	1.3%	13.5%	50.6%	30.8%
4	Để chuẩn bị tốt cho bài thuyết trình của mình, cần dành nhiều thời gian chuẩn bị và luyện tập.	1.3%	4.5%	6.4%	55.1%	32.7%
5	Đa số SV học theo phương pháp này.	5.1%	26.9%	45.5%	13.5%	9%
6	Rất khó để có kỹ năng thuyết trình tốt.	1.9%	9.6%	11.5%	49.4%	27.6%
7	Khi thuyết trình, chỉ cần nhìn vào phần trình chiếu và chuẩn bị nội dung trên giấy rồi đọc to.	41.7%	42.3%	5.8%	7.1%	3.2%
8	Để trình bày một chủ đề, cần phải hiểu rõ về nó.	1.3%	4.5%	4.5%	44.9%	44.9%
9	Trong quá trình thuyết trình, cần có sự tương tác giữa người nói và người nghe.	1.9%	3.2%	9.6%	39.1%	46.2%
10	Bài thuyết trình có tính sáng tạo để thu hút người nghe.	1.3%	3.2%	5.1%	44.2%	46.2%
11	Kỹ năng thuyết trình phù hợp với những người tin vào khả năng diễn giải của mình trước đám đông.	4.5%	29.5%	23.7%	30.1%	12.2%
12	Để có một bài thuyết trình hoàn hảo, cần có môi trường để luyện tập thường xuyên.	1.9%	2.6%	9.6%	49.4%	36.5%
13	Ngôn ngữ cơ thể giúp kỹ năng thuyết trình thu hút sự chú ý của người nghe.	0.6%	2.6%	5.1%	49.4%	42.3%
14	Khi người nghe đặt câu hỏi về bài thuyết trình, cách ứng xử của bạn rất quan trọng.	1.9%	0.6%	13.5%	56.4%	27.6%
15	Nhịp điệu, giọng nói, trọng âm, âm lượng và tốc độ quyết định sự thu hút của bài thuyết trình.	0%	1.9%	7.1%	42.9%	48.1%

Hầu hết những người tham gia đều đồng ý rằng kỹ năng thuyết trình giúp ích cho SV rất nhiều trong tương lai. Ở mục 4, 32,7% đến 55,1% SV đồng ý rằng họ mất nhiều thời gian để chuẩn bị tốt cho bài thuyết trình. Một số SV gặp khó khăn trong việc chuẩn bị những gì họ cần cho bài thuyết trình, như tài liệu, slide, kịch bản, v.v. Ở mục 6, 49,4% tin rằng khả năng thuyết trình tốt là một thách thức, vì là một kỹ năng mà hầu hết SV gặp khó khăn và không được đào tạo trong trung học. Ở mục 8, 89,8% SV tin rằng một bài thuyết trình tốt đòi hỏi người thuyết trình phải hiểu kỹ những gì họ truyền tải tới khán giả một cách vừa đầy đủ vừa ngắn gọn.

Ở mục 9, 85,3% đồng ý rằng người nói phải tương tác với người nghe trong suốt buổi thuyết trình qua cách giao tiếp bằng mắt, đặt câu hỏi và lấy ý kiến từ người nghe, làm cho bài thuyết trình trở nên thú vị hơn, giúp người nghe dễ dàng tiếp thu thông tin và ghi nhớ lâu hơn. Mục 11, 42,3% tin rằng sự tự tin giúp SV thành công hơn. Ở mục 13, 91,7% SV đồng ý ngôn ngữ cơ thể thu hút sự chú ý từ người nghe; có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể khi thuyết trình. Mục 15, hầu hết SV đều đồng ý với nhận định về giọng nói trôi chảy, có điểm nhấn sẽ thu hút được sự chú ý của khán giả.



Hình 1. SV đánh giá GV qua giờ dạy

Việc sử dụng các phương pháp truyền thông mà không tổ chức các hoạt động thú vị chiếm tỷ lệ cao nhất ở Hình 1, với 64,1%. Số lượng GV cung cấp một số quy tắc ngữ pháp ở mức cao là 47,4%. Phương pháp giảng dạy chưa tiếp cận được với SV (46,8%). Thấp

nhất ở mức 37,8% là các phản hồi từ GV còn hạn chế.

Câu hỏi NC 2: SV năm hai chuyên ngành Tiếng Anh gặp khó khăn gì khi thuyết trình bằng tiếng Anh?

Dựa vào dữ liệu bảng 2 để trả lời câu hỏi NC 2

Bảng 2. Những khó khăn SV gặp phải khi thuyết trình trước khi kiểm tra cuối kỳ

TT	Nhận định	1	2	3	4	5
1	Trình bày tiếng Việt tốt hơn tiếng Anh.	1.8%	9%	24.4%	40.4%	24.4%
2	Chưa biết cách làm cho bài thuyết trình trở nên thú vị.	3.8%	9.6%	25%	41.7%	19.9%
3	Ngại thuyết trình trước đám đông.	4.5%	14.7%	23.7%	34%	23.1%
4	Kỹ năng máy tính chưa tốt, điều đó có tác động tiêu cực đến bài thuyết trình.	6.4%	17.9%	23.7%	44.9%	7.1%
5	Gặp khó khăn trong việc truyền tải nội dung tới khán giả	3.2%	16.7%	25%	39.7%	15.4%
6	Sau khi hoàn thành “Nói 2”, bạn cảm thấy tự tin hơn khi thuyết trình, đặc biệt là bằng tiếng Anh	17.9%	3.3%	33.3%	34.6%	10.9%

TT	Nhận định	1	2	3	4	5
7	“Nói 2” cung cấp cho bạn đủ kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình.	17.9%	3.9%	22.4%	44.3%	11.5%
8	Sau khi học xong môn “Nói 2”, GV đã mang đến cho các bạn những kinh nghiệm rất quý để có một bài thuyết trình hoàn hảo và tuyệt vời.	19.2%	2.6%	21.8%	41.7%	14.7%
9	Nhờ khóa học “Nói 2”, kỹ năng thuyết trình của bạn được nâng cao, giúp ích không chỉ cho kỹ năng nói mà còn với nhiều môn học khác.	3.8%	1.9%	14.7%	51.4%	28.2%

Theo Bảng 2, Mục 1, những người tham gia có khả năng thuyết trình bằng ngôn ngữ thứ nhất (tiếng Việt) tốt hơn ngôn ngữ thứ hai (tiếng Anh), mặc dù họ là SV chuyên ngành tiếng Anh. Mục 3, 57,1% SV lo lắng trước đám đông. Thế nên, SV cần được rèn luyện để tự tin hơn. Mục 6, 7, 8, 9 tập trung vào cảm nhận và đánh giá của SV về bài thi Nói 2 các khóa học họ đã vượt qua. Đặc biệt, mục 6 cho thấy 45,5% SV mô tả đó là khóa học lý tưởng giúp họ tự tin hơn khi thuyết trình bằng tiếng Anh trước đám đông.

Mặt khác, 21,1% SV vẫn lo lắng, ngại ngùng khi thuyết trình bằng tiếng Anh dù đã vượt qua khóa học Nói 2. Mục 7, 8 và 9 cho thấy một số SV chưa nâng cao chất lượng thuyết trình trong khóa học. Tuy nhiên, một số lượng lớn SV có kỹ năng thuyết trình tốt sau khi

hoàn thành khóa học Nói 2, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp đầy đủ kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình cho SV EFL. Những kiến thức mà GV truyền đạt rất hữu ích cho hầu hết SV trong việc phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng giao tiếp. Ngược lại, hầu hết SV có thể chưa áp dụng được kiến thức đó vào bài thuyết trình của mình. Có thể các GV chưa cung cấp đủ cho SV những thông tin hữu ích và phản hồi cần thiết về những lỗi họ mắc phải khi thuyết trình. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến trải nghiệm học tập của SV trong khóa học Nói 2 có thể là thời gian hạn chế, lớp học có đông SV, v.v.

Phân tích dữ liệu từ các yếu tố Bảng 3, kết quả thuyết trình của SV khả quan hơn, sau khi SV được thực hành từ khóa học Nói 2 và thi cuối kỳ.

Bảng 3. Tự đánh giá của SV về kỹ năng thuyết trình trước và sau khi thi cuối kỳ

Các yếu tố ảnh hưởng	Trước kỳ thi cuối kỳ (theo %)	Sau kỳ thi cuối kỳ (theo %)
Sợ phạm lỗi	53,8	33,2
E ngại	57,1	30,2
Lo lắng khi giao tiếp với người nước ngoài	44,2	27,2
Sự ủng hộ từ người nghe	21,2	16,2
Thiếu kiến thức theo chủ đề	64,1	40,1
Thiếu từ vựng	67,3%	55,6
Thiếu kiến thức ngữ pháp	39,1	29,8
Phát âm kém	50	37,2
Thói quen dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt	50,6	35,3

Các yếu tố ảnh hưởng	Trước kỳ thi cuối kỳ (theo %)	Sau kỳ thi cuối kỳ (theo %)
Bối rối về việc sắp xếp thứ tự thích hợp	57,1	41,2
Ít cơ hội thực hành thuyết trình	47,4	29,4
Thiếu động lực	41,7	31,3
Áp lực về việc thuyết trình tốt	66,7	42,5
Thời gian chuẩn bị	26,3	16,1
Thời gian thuyết trình	26,9	20,3
Kỹ năng nghe	26,3	18,3

Theo bảng 3, trước và sau khi thi cuối kỳ, có sự biến đổi rõ rệt, những SV đều gặp phải một số vấn đề như sợ mắc lỗi từ 53,8%, giảm xuống 33,2%, ngại ngừng từ 57,1% giảm xuống 30,2%, thiếu kiến thức chuyên đề từ 64,1% giảm xuống 40,1%. Đây là ba loại khó khăn mà SV đôi khi gặp phải trong quá trình học tập. Tiếp đến, tỷ lệ cao nhất là tính mạch lạc và gắn kết, ngữ pháp, chính tả và độ chính xác chiếm 66,7% giảm xuống 42,5%, sự tin đứng thứ hai 60,3% tăng lên 71%. Thứ ba là thời gian hoàn thành là 26,9% giảm xuống 20,3%, thời gian chuẩn bị là 26,3% giảm xuống 16,1%.

Theo NC của Schmitt (2014), bản chất từ vựng luôn là rào cản phức tạp đối với người học và người phân tích. NNC phát hiện ra rằng khoảng trống từ vựng càng lớn thì tốc độ hiểu của người dùng càng đáng lo ngại (Carver, 1994). Người học chủ yếu gặp khó khăn về sử dụng từ ngữ để có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp thành thạo 67,3% SV (giảm xuống 55,6%). 57,1% SV bối rối trong việc sử dụng cách sắp xếp thứ tự phù hợp (giảm xuống 41,2%). 50,6% có thói quen dịch tiếng Anh sang tiếng Việt trong giờ học (giảm xuống 35,3%).

Một thách thức khác liên quan đến kiến thức cho các chủ đề diễn thuyết. Ví dụ, SV cảm thấy hào hứng hơn với chủ đề

yêu thích vì họ biết nhiều điều về chủ đề đó. Mặt khác, khả năng thuyết trình của SV có thể tệ hơn nếu họ gặp phải chủ đề lạ hoặc nhầm chán. SV cần làm quen với những điều mới của chủ đề, cụ thể là từ mới, kiến thức mới. Sự nhút nhát tác động tiêu cực đến khả năng thuyết trình của SV vì họ ít nói tiếng Anh hoặc ít tham gia vào các hoạt động thuyết trình. Ngược lại, những SV tự tin có nhiều khả năng thuyết trình ngôn ngữ thứ hai tốt hơn.

4.2. Thảo luận

Kết quả NC cho thấy phần lớn SV UNETI chưa đủ tự tin, năng lực về kỹ năng thuyết trình. SV nên được hướng dẫn thực hành thuyết trình bằng tiếng Anh một cách chuyên nghiệp. Hơn nữa, GV cần có trách nhiệm quan sát và khuyến khích SV trình bày bằng tiếng Anh một cách hiệu quả.

Kết quả nghiên cứu nêu trên có điểm chung với các tài liệu về khó khăn trong việc nâng cao kỹ năng thuyết trình, và thái độ của SV chuyên ngành tiếng Anh đối với kỹ năng này- một trong những kỹ năng quan trọng nhất. SV luôn mong muốn được thực hành kỹ năng này trong lớp học nơi có GV và bạn cùng lớp sẽ lắng nghe bài thuyết trình của họ và đưa ra phản hồi nhằm hỗ trợ họ nâng cao kỹ năng này. Hơn nữa, các SV trong NC chưa hài lòng

với khả thuyết trình của mình vì họ thường xuyên trình bày chưa trôi chảy, Trang, N. T. T. (2019).

V. Kết luận và đề xuất

5.1. Kết luận

Thực tiễn dạy học cho thấy, tất cả kỹ năng tiếng Anh nói chung và thuyết trình bằng tiếng Anh nói riêng rất cần sự luyện tập thường xuyên và lâu dài mới đem lại kết quả cao cho người học. Đặc biệt đối với SV năm hai chuyên ngành Tiếng Anh UNETI, ngoài luyện tập tốt thuyết trình, còn cần phải kết hợp ứng dụng công nghệ để giao tiếp một cách tự tin, vượt qua được các khó khăn, hạn chế về mắc lỗi, về sự lo lắng, nhút nhát khi trình bày trước đám đông. Thông qua quá trình rèn luyện, học tập đó, SV sẽ nâng cao năng lực ngoại ngữ, củng cố thêm từ vựng và tự điều chỉnh, sửa những lỗi sai cơ bản để hoàn thiện từng ngày kỹ năng thuyết trình tiếng Anh của mình.

5.2. Đề xuất

Các NC tiếp theo nên tiến hành phỏng vấn để thu được kết quả khách quan và thực tế nhất. Cần có phỏng vấn GV để tìm hiểu phương pháp giảng dạy của họ trong các khóa học thuyết trình. Nên đưa vào các câu hỏi liên quan đến cảm xúc và mong muốn nâng cao kỹ năng thuyết trình của người học. Các NNC tương lai nên tiến hành NC của mình trong các khóa học nói để quan sát phần trình bày của SV và những khó khăn khi thuyết trình, điều này giúp đạt được kết quả tốt hơn. GV nên cung cấp nhiều hoạt động hơn để SV thực hành, tạo môi trường thuận lợi giúp SV có thể nhận được sự hỗ trợ từ mọi người nếu gặp khó khăn hoặc mắc lỗi, đồng thời rèn

luyện sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách hiệu quả, bao gồm giao tiếp bằng quan sát, tư thế và cử chỉ.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bui, T. L. (2021). The Role of Collocations in the English Teaching and Learning. *International Journal of TESOL & Education*, 1(2), 99-109.
- [2]. Chang, Y., & Huang, H. (2015). Exploring TED Talks as a pedagogical resource for oral presentations: A corpus-based move analysis. *English Teaching & Learning*, 39(4), 29-62. DOI: 10.6330/ETL.2015.39.4.02
- [3]. Chuyen, N. T. H., Tra, T. T. T., & Trang, N. T. H (2020). Using ted talks to enhance presentation skill for 1st year english majors at thai nguyen university of education. *TNU Journal of Science and Technology*, 225(3), 181-188.
- [4]. Donohoe, A. (2020, April 11). Definition of a Powerpoint Presentation. *Techwalla*.
- [5]. Dornyei, Z., & Clement, R. (2001). Motivational characteristics of learning different target languages: Results of a nationwide survey. *Motivation and second language acquisition*, 23, 399-432.
- [6]. Horwitz, E. K., Horwitz, M. B., & Cope, J. A. (1986). Foreign language classroom anxiety. *The Modern Language Journal*, 70(2), 125-132.
- [7]. Nguyen, T. B. N. (2019). *An investigation into the use of body language cues in presentations by English-majored freshmen at Vietnam University of Commerce* (Doctoral dissertation, ĐHNH).
- [8]. Rosenzweig, G. (2021, February 11). What Is a Presentation? *ClearVoice*.
- [9]. Trang, N. T. T. (2019). The reality of presentation skills of pedagogic students at donghai university. *Tạp chí khoa học - đại học đồng nai*, 13, 8-19.

THE REALITY OF ENGLISH PRESENTATION SKILLS OF ENGLISH - MAJORS

Pham Thi Thuy²

Abstract: *Presentation skills are essential in undergraduate education and job development since they help students achieve a superior knowledge base while also improving their public speaking. The study aims to measure English-majors' reality about presentation skills at the University of Economics - Technology for Industries (UNETI). The quantitative study has been carried out among 200 second-year English majors at UNETI. The research paper's findings revealed that most students lacked confidence in their presentation skills due to faults in language usage, syntax, fluency, and so on. EFL lecturers might examine the results to improve their teaching techniques about presentation skills and find out more strategies to solve EFL students' presentation challenges at UNETI.*

Keywords: *presentation skills, English- majors, challenges, teaching strategies*

² University of Economics - Technology for Industries